TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79 /2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 2 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị C - Sinh năm 1985

Nơi cư trú:Thôn 4- Làng S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Lê Huy Tr - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Làng V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách – xã hội huyện C. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quang V- Giám đốc ủy quyền cho ông Lê Gia T- Phó giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm d khoản 5 Điều 27– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị C và anh Lê Huy Tr

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: chị Phạm Thị C và anh Lê Huy Tr thỏa thuận thuận tình ly hôn

Về con cái: chị Phạm Thị C và anh Lê Huy Tr thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim A – sinh ngày 07/12/2005

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị C và anh Tr như sau: Giao cháu Lê Thị Kim A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tr có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đại diện Ngân hàng chính sách – xã hội huyện C trước khi Tòa án tiến hành hòa giải như sau : anh Tr có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách- xã hội huyện C số tiền là 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn) đồng theo Hợp đồng vay ngày 27/8/2008 và Hợp đồng vay ngày 13/4/2011.

Về án phí: Các bên đương sự và Ngân hàng chính sách- xã hội huyện C thống nhất về số nợ phải trả trước khi Tòa án hòa giải, nên không phải chịu án phí về phần tài sản thực hiện nghĩa vụ. Chị C, anh Tr mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST, chị C nhận nộp luôn phần án phí của anh Tr, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006207 ngày 11/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Như vậy chị C còn được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
-Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh